CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
---------- Số: 38/TTr-HĐQT	---------- *Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH
V/v: Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

***Kính gửi*: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành luật.

- Căn cứ Luật chứng khoán năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành luật.

- Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ Tướng Chính Phủ ban hành ngành kinh tế Việt Nam.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.

- Căn cứ nhu cầu thực tiễn về hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh gồm những nội dung sau:

1. Thông qua những ngành nghề kinh doanh dưới đây để bổ sung vào danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty thực hiện đăng ký kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
1.	Sản xuất điện. *Chi tiết: Hoạt động phát điện*	3511	
2.	Truyền tải và phân phối điện. *Chi tiết:* *- Truyền tải điện,* *- Phân phối điện.*	3513	
3.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	
4.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700	
5.	Thu gom rác thải không độc hại	3811	
6.	Thu gom rác thải độc hại	3812	
7.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821	
8.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822	
9.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110	
10.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121	
11.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129	
12.	Dịch vụ cảnh quan	8130	
13.	Dịch vụ lưu trú	5520	
14.	Cơ sở lưu trú khác	5590	

Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa 2 văn bản thì văn bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
15.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311	
16.	Hoạt động vui chơi giải trí khác	9329	
17.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621	
18.	Dịch vụ ăn uống khác	5629	
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. *Chi tiết:* *- Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;* *- Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ôtô, bãi để xe đạp, xe máy;*	5225	
20.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721	
21.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729	
22.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình	7730	
23.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321	
24.	Hoạt động thể thao khác	9319	
25.	Dịch vụ spa và xông hơi	9623	

2. Cập nhật các ngành nghề kinh doanh của Công ty đã đăng ký (đang có hiệu lực) theo quy định mới .

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810	
2.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395	
3.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, dàn giáo, nhà công nghiệp	2592	
4.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	Cập nhật thành ngành nghề 3312 - Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị
5.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	
6.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700	
7.	Xây dựng nhà để ở	4101	
8.	Xây dựng nhà không để ở	4102	
9.	Xây dựng công trình đường sắt	4211	

Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa 2 văn bản thì văn bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
10.	Xây dựng công trình đường bộ	4212 (chính)	
11.	Xây dựng công trình điện	4221	
12.	Xây dựng công trình cấp thoát nước	4222	
13.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	
14.	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
15.	Xây dựng công trình thủy	4291	
16.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	
17.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	
18.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:	4299	
19.	Phá dỡ: Chi tiết: Phá huỷ hoặc đập các toà nhà và các công trình khác.	4311	
20.	Chuẩn bị mặt bằng	4312	
21.	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
22.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322	
23.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329	
24.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
25.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390	
26.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Đối với nghành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4652	
27.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	
28.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663	Cập nhật, bổ sung thành ngành 4673
29.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	
30.	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210	
31.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510	Cập nhật thành 5510 và 5520
32.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610	

Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa 2 văn bản thì văn bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
33.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630	
34.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810	
35.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820	6820 bị bãi bỏ theo Quyết định 36/2025/QĐ-Ttg, thay thế bằng ngành 6821 và 6829
36.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110	
37.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120	
38.	Cho thuê xe có động cơ	7710	
39.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299	

3. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các danh mục ngành nghề bổ sung, các ngành nghề được cập nhật theo quy định mới và giao cho Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật cập nhật danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh nêu trên vào Điều lệ Công ty và thực hiện đăng ký cập nhật, bổ sung ngành nghề với cơ quan chức năng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT.

M.S.D.N: 0800001611 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18
P. THANH LIỆT - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Xuân Hưng

Văn bản này được công bố đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa 2 văn bản thì văn bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên